TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MINH HÓA** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Ngọc Nhân

Ông Đinh Minh Tặng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Mai H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C (sau đây viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ trụ sở chính: số A phố L Hà Nội

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tất T1, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Mai H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Xuân T do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T đi uống rượu về thì chửi chị, đuổi chị ra khỏi nhà, đánh đập chị. Bản thân chị vì con cái nên cứ cam chịu chung sống với anh T. Cho đến tháng 12/2024, chị sống ly thân với anh T. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng có 03 con chung Đinh Nữ Trà M, sinh ngày 10/02/2009; Đinh Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 và Đinh Trúc N, sinh ngày 05/10/2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đinh Trúc N. Đối với cháu Đinh Nữ Trà M và cháu Đinh Khánh L hiện đang sống với anh T, các cháu có nguyện vọng sống với cha nên chị H đồng ý để anh T chăm sóc nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị H có liệt kê các tài sản chung của vợ chồng, nhưng chị đã xin rút lại yêu cầu về tài sản chung, chị H để cho anh T quản lý sử dụng và nuôi con. Nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Hai vợ chồng có vay nợ tại Ngân hàng C (giao dịch tại Phòng giao dịch huyện C) với số tiền 40.000.000 đồng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu chia đôi nợ chung.

Bị đơn anh Đinh Xuân T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tất T1 trình bày: Ngày 27/02/2021, chị Đinh Thị Mai H và anh Đinh Xuân T có vay vốn chương trình cho vay hộ cận nghèo tại Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch huyện C tại khế ước số 6600000719696034, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất vay 7,92%/năm, hạn trả nợ ngày 27/6/2026.

Để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng C, hiện nay chị H và anh T làm thủ tục ly hôn, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H và anh T có trách nhiệm trả nợ số tiền vay 40.000.000 đồng và lãi phát sinh. Trường hợp Tòa án giải quyết vụ án ly hôn nếu giao tài sản là nhà ở, đất ở hoặc tài sản khác của hộ gia đình cho một trong hai người thừa hưởng, hoặc hai bên thảo thuận giao các tài sản cho một trong hai người sử dụng thì phải giao trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn chị Đinh Thị Mai H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và đề nghị chia đôi khoản vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam huyện C với số tiền gốc là 40.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Bị đơn anh Đinh Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

- Ông Nguyễn Tất T1 trình bày: Đến ngày xét xử chị H và anh T còn nợ Ngân hàng C số tiền 41.091.000 đ, trong đó nợ gốc: 40.000.000 đ, tiền lãi 1.091.000 đ. Đề nghị Tòa án chia đôi số nợ chung này.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mai H. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị Mai H được ly hôn với anh Đinh Xuân T; về con chung: chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Trúc N, sinh ngày 05/10/2019, anh T được trực tiếp nuôi dưỡng Đinh Nữ Trà M, sinh ngày 10/02/2009; Đinh Khánh L, sinh ngày 19/5/2012, do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung: buộc chị H và anh T mỗi người phải trả ½ số tiền 40.000.000 đồng và lãi phát sinh của Ngân hàng C. Về án phí: chị H và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị Mai H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con con chung khi ly hôn, chia nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn với anh Đinh Xuân T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đinh Xuân T có nơi cư trú tại thôn Y, xã Y, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh Đinh Xuân T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Mai H và anh Đinh Xuân T do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Chị H cho rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T đi uống rượu về thì chửi chị, đuổi chị ra khỏi nhà, đánh đập chị. Bản thân chị vì con cái nên cứ cam chịu chung sống với anh T cho đến tháng 12/2024, chị sống ly thân với anh T.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, chị H và anh T thường xuyên cự cãi và không còn sống chung với nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T nhưng anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H. Do đó, có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc chị H yêu cầu ly hôn anh T phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H xác định vợ chồng có 03 con chung tên Đinh Nữ Trà M, sinh ngày 10/02/2009; Đinh Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 và Đinh Trúc N, sinh ngày 05/10/2019. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trúc N vì cháu còn nhỏ và đang sống với chị H. Đối với cháu Trà M và Khánh L có nguyện vọng được sống cùng với cha nên chị đồng ý giao 02 cháu cho anh T nuôi dưỡng.

Xét thấy, cháu Trúc N còn nhỏ đang được chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đối với 02 cháu Trà M và Khánh L đã được Tòa án ghi nhận ý kiến thể hiện các cháu có nguyện vọng sống cùng với cha. Do đó, để đảm bảo cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt nhất về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Trúc N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Trà M và cháu Khánh L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc chị H phải dưỡng nuôi cháu Đinh Khánh L mỗi tháng 1.750.000 đ. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị H có liệt kê một số tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.5] Về quan hệ nợ chung: Chị H và đại diện Ngân hàng C xác nhận, vợ chồng chị H và anh T có vay vốn tại Ngân hàng C với số tiền 40.000.000 đồng tại khế ước 6600000719696034, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất vay 7,92%/năm, hạn trả nợ ngày 27/6/2026.

Hiện nay, chị H và anh T ly hôn, phía Ngân hàng yêu cầu chị H và anh T có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng gồm tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi 1.091.000 đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ cơ sở để xác định, giữa Ngân hàng C và chị H, anh T có xác lập hợp đồng vay vốn theo khế ước số 6600000719696034, số tiền vay 40.000.000 đồng, lãi suất vay 7,92%/năm, hạn trả nợ ngày 27/6/2026, việc vay vốn là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo khế ước đã giao kết và đây là nợ chung của chị H và anh T trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Ngân hàng C yêu cầu chị H và anh T có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ. Xét thấy, việc vay vốn thuộc chương trình cho vay hộ cận nghèo là nghĩa vụ chung của chị H và anh T. Do đó, chị H và Ngân hàng yêu cầu chia đôi nợ chung, mỗi người có trách nhiệm chịu một nửa là hoàn toàn phù hợp Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 280, 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận. Buộc chị H và anh T mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền 20.545.500đ.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị H, anh T phải chịu án phí đối với khoản tiền phải trả cho Ngân hàng C theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 27, 37, 51, 56, 58, 110, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Các điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mai H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Mai H và anh Đinh Xuân T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Trúc N, sinh ngày 05/10/2019 cho chị Đinh Thị Mai H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao hai con chung là Đinh Nữ Trà M, sinh ngày 10/02/2009; Đinh Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 cho anh Đinh Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị Mai H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Khánh L, sinh ngày 19/5/2012 mỗi tháng 1.750.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

1.4. Về nợ chung: Xác định chị H và anh T có 01 khoản nợ chung tại Ngân hàng C với số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 27/3/2025 là 1.091.000 đ theo khế ước vay số 6600000719696034, ngày 27/02/2021.

Chia đôi số nợ chung cho mỗi bên phải chịu trách nhiệm trả nợ như sau:

Buộc chị Đinh Thị Mai H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C tổng số tiền tính đến ngày 27/3/2025 là 20.545.500 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi là 545.500 đồng, theo khế ước vay số 6600000719696034, ngày 27/02/2021.

Buộc anh Đinh Xuân T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng C tổng số tiền tính đến ngày 27/3/2025 là 20.545.500 đồng, trong đó, tiền nợ gốc là 20.000.000

đồng, nợ lãi là 545.500 đồng, theo khế ước vay số 6600000719696034, ngày 27/02/2021.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000654 ngày 28/11/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Chị Đinh Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đinh Thị Hoa M1 phải chịu 1.027.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Đinh Xuân T phải chịu 1.027.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Đức Cảnh